TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: **07**/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30-01-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huệ.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Đức Anh**

Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Thoa**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Đỗ Văn Thiêm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa***: Không tham gia

Ngày 30/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 602/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/01/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Mã Mãn M**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Xuân P, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Ông **Tằng Xay H**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Xuân P, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

(*Bà M, ông H vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2022, bản tự khai và trong quá trình làm việc nguyên đơn bà Mã Mãn M trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, bà và ông Tằng Xay H bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1996 và đến năm 1997 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân P, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh Pc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng nên từ đó vợ chồng hay cãi vã, đánh đập nhau. Ông bà không còn sống chung với nhau từ năm 2011 cho đến nay. Nay bà thấy không còn tình cảm với ông Tằng Xay H nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: ông bà có 04 con chung tên là Tằng Thị Mỹ H, sinh ngày 07/9/1996, Tằng Minh Q, sinh ngày 01/10/1998, Tằng Thị Mỹ N, sinh ngày

28/5/2001 và Tằng Minh T, sinh ngày 23/12/2003. Hiện nay các con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình làm việc, bị đơn ông Tằng Xay H trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà Mã Mãn M về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ông cũng thống nhất với lời trình bày của bà M. Ông bà không còn sống chung với nhau từ năm 2011 cho đến nay. Nay bà M yêu cầu ly hôn, ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông bà có 04 con chung tên là Tằng Thị Mỹ H, sinh ngày 07/9/1996, Tằng Minh Q, sinh ngày 01/10/1998, Tằng Thị Mỹ N, sinh ngày 28/5/2001 và Tằng Minh T, sinh ngày 23/12/2003. Hiện nay các con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Mã Mãn M và ông Tằng Xay H có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó T hành xét xử vắng mặt bà M, ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Mã Mãn M có đơn khởi kiện ly hôn với ông Tằng Xay H, do đó xác định bà M là nguyên đơn, ông H là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mã Mãn M và ông Tằng Xay H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân P, huyện Xuân Lộc, do đó quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự nhận thấy: Bà Mã Mãn M cho rằng sau khi kết hôn ông bà chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn, sau đó, giữa hai ông bà thường nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp; vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ, đánh đập nhau. Ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Quá trình làm việc ông Tằng Xay H thừa nhận cuộc sống vợ chồng thường xảy ra bất hòa, mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, nay ông không còn tình cảm với bà Mã Mãn M, do đó, ông đồng ý ly hôn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Mã Mãn M và ông Tằng Xay H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho mà M được ly hôn với ông

H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Các con chung của bà M, ông H đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà M, ông H không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Mã Mãn M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mã Mãn M ly hôn ông Tằng Xay H.

2. Về án phí: Bà Mã Mãn M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006859 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được khấu trừ thành tiền án phí.

Bà Mã Mã M, ông Tằng Xay H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi kết hôn;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huệ